

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**  
**YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICUL TURAL AND FOODSTUFFS COMPANY**  
Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province  
Email: [Yfatuf@gmail.com](mailto:Yfatuf@gmail.com)  
Website: [www.yfatuf.com.vn](http://www.yfatuf.com.vn)

---



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**QUÝ III NĂM 2018**



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>71.504.015.942</b>	<b>91.562.318.670</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>39.793.956.441</b>	<b>11.039.159.664</b>
1. Tiền	111	4.993.956.441	8.039.159.664
2. Các khoản tương đương tiền	112	34.800.000.000	3.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	-	(...)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>11.321.464.183</b>	<b>6.894.733.101</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7.977.335.404	5.325.172.057
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.645.424.769	590.400.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	2.098.287.942	1.378.744.976
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(399.583.932)	(399.583.932)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>17.278.721.207</b>	<b>73.455.441.805</b>
1. Hàng tồn kho	141	17.278.721.207	73.489.275.268
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-	(33.833.463)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>3.109.874.111</b>	<b>172.984.100</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	3.109.874.111	172.984.100
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>24.534.211.178</b>	<b>28.034.650.764</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	
6. Phải thu dài hạn khác	216	-	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>24.335.660.377</b>	<b>28.034.650.764</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	24.193.849.893	28.034.650.764
- Nguyên giá	222	168.053.612.640	164.931.209.008
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(143.859.762.747)	(136.896.558.244)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	
- Nguyên giá	225	-	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	(...)
3. Tài sản cố định vô hình	227	141.810.484	-
- Nguyên giá	228	171.000.000	75.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(29.189.516)	(75.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>198.550.801</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	198.550.801	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	(...)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>96.038.227.120</b>	<b>119.596.969.434</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>20.183.197.283</b>	<b>53.750.900.522</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>20.006.347.283</b>	<b>53.559.050.522</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	3.652.715.193	11.954.307.144
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.387.839.650	775.673.356
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.056.170.671	1.831.801.671
4. Phải trả người lao động	314	8.164.196.922	13.511.560.438
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	989.929.835	1.853.476.187
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	3.511.023.790	1.473.062.725
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-	21.373.709.927
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	568.091.016	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	676.380.206	785.459.074
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>176.850.000</b>	<b>191.850.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	
7. Phải trả dài hạn khác	337	175.000.000	190.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	

97-C  
N. S. A. I. Y. B.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>75.855.029.837</b>	<b>65.846.068.912</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>75.855.029.837</b>	<b>65.846.068.912</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	1.655.874.059	1.362.252.276
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	26.275.215.107	16.559.875.965
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a	2.239.529.450	1.878.786.815
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	24.035.685.657	14.681.089.150
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>96.038.227.120</b>	<b>119.596.969.434</b>

Người lập biểu

  
 Nguyễn Thị Thu Hằng

Lập, ngày 17 tháng 10 năm 2018

Kế toán trưởng

  
 Hồ Minh Hồng


Nguyễn Quốc Trinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP - ĐC Kiểm toán**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Quý III năm 2018*

*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ III		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	70.871.849.956	65.895.945.432	310.638.307.772	206.723.622.330
<i>Ghi chú: Doanh thu nội bộ</i>			80.469.198.990	79.101.914.207	42.269.997.543	36.871.821.331
<i>Trong đó: Doanh thu xuất khẩu</i>			21.326.490.120	20.319.834.096	64.715.616.707	63.628.440.259
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.2	0	0	0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		70.871.849.956	65.895.945.432	310.638.307.772	206.723.622.330
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.3	62.018.232.323	54.447.452.315	251.205.843.377	174.776.481.900
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8.853.617.633	11.448.493.117	59.432.464.395	31.947.140.430
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.4	596.230.026	306.540.325	836.109.564	749.089.383
7. Chi phí tài chính	22	VL.5	6.294.214	14.452.456	903.713.148	174.723.343
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		0	8.922.588	896.176.441	119.681.950
8. Chi phí bán hàng	25	VL.8.b	1.898.198.468	1.800.107.162	5.959.067.130	6.076.702.216
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.8.a	5.208.896.466	2.531.318.137	14.295.845.245	8.820.450.125
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.336.458.511	7.409.155.687	39.109.948.436	17.624.354.129
11. Thu nhập khác	31	VL.6	0	0	8.027.470	0
12. Chi phí khác	32	VL.7	29.197.673	609.721	85.779.471	5.113.571
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(29.197.673)	(609.721)	(77.752.001)	(5.113.571)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.307.260.838	7.408.545.966	39.032.196.435	17.619.240.558
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL.9	625.538.175	1.313.680.310	5.483.849.778	3.020.472.738
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.681.722.663	6.094.865.656	33.548.346.657	14.598.767.820
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		353	1.280	7.048	3.067
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0	0	0

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Thu Hằng*

Kế toán trưởng

*Hứa Minh Hồng*

Lập, ngày 17 tháng 10 năm 2018

MSDN: 5200116441 - CT  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI**  
 Giám đốc  
*Nguyễn Quốc Trinh*

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp) (\*)*  
**Năm 2018**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>39.032.196.435</b>	<b>17.619.240.558</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		7.485.585.210	6.820.880.948
- Các khoản dự phòng	03		33.833.463	(2.896.600.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		24.077.413	(12.921.380)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(67.603.584)	574.366.040
- Chi phí lãi vay	06		896.176.441	119.681.950
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>47.404.265.378</b>	<b>22.224.648.116</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.413.662.140)	(3.314.681.596)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		56.176.720.598	28.012.180.737
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.995.685.547)	(13.470.082.851)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.936.890.011)	(1.770.983.834)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(876.298.641)	(72.309.112)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-6.141.169.691	(3.411.563.450)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.052.470	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.831.470.883)	(2.749.595.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>75.386.861.533</b>	<b>25.447.613.010</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.615.594.823)	(1.281.726.577)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.975.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		640.820.186	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.967.799.637)</b>	<b>(1.281.726.577)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		31.796.066.551	5.500.539.459
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(53.169.776.478)	(7.611.025.513)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.372.413.600)	(16.184.299.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(43.746.123.527)</b>	<b>(18.294.785.254)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>28.672.938.369</b>	<b>5.871.101.179</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>11.039.159.664</b>	<b>32.455.265.230</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		81.858.408	(22.099.354)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>39.793.956.441</b>	<b>38.304.267.055</b>

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

  
Hứa Minh Hồng

Lập, ngày 27 tháng 10 năm 2018

Giám đốc  
  
 Nguyễn Quốc Trinh



# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
  - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
  - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
  - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**  
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:  
*Bao gồm:*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Cường, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**  
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

#### 5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

#### 6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/09/2018 : 23.290 VND/USD

### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

### **13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

### **14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

### **15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với dự án xây dựng Nhà máy sản xuất giấy để xuất khẩu Thác Bà của Nhà máy giấy Yên Bình, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm (đến hết năm 2017). Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong ba (03) năm đầu tiên (đến hết năm 2008) và giảm 50% trong năm (05) năm tiếp theo (đến hết năm 2013).

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015). Đối với sản phẩm vận bốc thuế suất TNDN là 20%.

Đối với thu nhập chịu thuế dự án chế biến tinh dầu quế Văn Chấn và các sản phẩm từ quế trên địa bàn huyện Văn Chấn công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 50% của mức thuế phổ thông năm 2015 – 2016.

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

### 17. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

1644  
GTY  
PHÁ  
ÔNG  
C PH  
N B  
BÁI -

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### 18. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

*Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trừ về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### *Công cụ tài chính phức hợp*

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

### 19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

		Cuối kỳ		Đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>					
Tiền mặt			1.442.916.724		970.110.168
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn			3.551.039.717		7.069.049.496
Các khoản tương đương tiền			34.800.000.000		3.000.000.000
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng</i>					
			<b>39.793.956.441</b>		<b>11.039.159.664</b>
<b>2. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>					
		Cuối kỳ		Đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn khác		-	-	-	-
<b>Cộng</b>					
<b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>					
		Cuối kỳ		Đầu năm	
Công ty TNHH Đức Việt Anh			399.583.932		399.583.932
Chi nhánh Công ty TNHH Đông Hòa			1.250.754.065		833.792.256
Công ty TNHH MTV TM và gia công Trung Tín			129.694.950		237.546.540
Công ty TNHH Giấy Lọc phẩm - Đài Loan			1.749.824.280		1.379.994.000
Công ty TNHH sản xuất thương mại Đạt Phương			399.425.616		0
Công ty TNHH MTV nông sản Đông Hưng			452.467.253		81.695.470
Công ty TNHH TM XD XNK Hưng Hiệp					63.045.500
Công ty TNHH Vĩnh Hùng Cát			1.827.085.470		114.810.773
Phạm Hữu Chung					128.513.000
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD			1.509.121.664		2.080.188.000
Khách hàng khác			259.378.174		6.002.586
<b>Cộng</b>			<b>7.977.335.404</b>		<b>5.325.172.057</b>
<b>4. Trả trước cho người bán</b>					
		Cuối kỳ		Đầu năm	
Công ty CP thiết bị công nghiệp và XD Bình Phát			-		571.500.000
TT xúc tiến đầu tư và phát triển công thương			88.435.750		
Công ty TNHH Đức Thịnh			210.000.000		
Công ty Điện lực Yên Bái			98.922.719		
Công ty cổ phần Kỹ thương Đại Việt			750.000.000		
Trung tâm công nghệ môi trường Việt Nhật			459.066.300		
Công ty khác			39.000.000		18.900.000
<b>Cộng</b>			<b>1.645.424.769</b>		<b>590.400.000</b>
<b>5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>					
		Cuối kỳ		Đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Phạm Quang Dương - Hỗ trợ mua xe		15.000.000		91.500.000	
Bảo Hiểm xã hội phải thu CNV				33.943.900	
Tiền điện thoại phải thu cá nhân		15		920.421	



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Thuế TNCN phải thu	196.649.142	30.757.655
Tạm ứng	1.881.446.000	1.221.623.000
BH thân thể phải thu của CN	5.100.000	
Phải thu khác	92.800	
<b>Cộng</b>	<b>2.098.287.942</b>	<b>1.378.744.976</b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
<b>Số đầu năm</b>	(399.583.932)		(399.583.932)
Trích lập dự phòng bổ sung			-
Giảm do thu hồi được nợ			-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(399.583.932)</b>		<b>(399.583.932)</b>

**7. Hàng tồn kho:**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu;	8.876.825.336		11.232.597.953	
Chi phí sản xuất KD dở dang;	1.666.793.791		1.966.561.304	
Thành phẩm;	6.735.102.080		60.290.116.011	(33.833.463)
Hàng gửi bán;	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>17.278.721.207</b>		<b>73.489.275.268</b>	<b>(33.833.463)</b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
CP vật tư, vật liệu phụ tại NM giấy Yên Bình	25.781.287	-
CP bảo dưỡng MM, CP sửa chữa, CP lương ứng tại NM sản	1.945.532.575	50.640.000
CP sửa chữa lớn NM Minh Quân	27.052.873	-
CP Phụ tùng thay thế NMG vận chuyển	5.000.000	-
Công cụ dụng cụ tại Văn phòng + CP sửa chữa MMTB các NM	1.048.237.869	85.540.000
Công cụ vật tư, CP sửa chữa lớn MMTB tại Yên Hợp	48.945.224	-
CP bảo quản NL, CP sửa mái nhà tại NM Quế	9.324.283	36.804.100
<b>Cộng</b>	<b>3.109.874.111</b>	<b>172.984.100</b>

**9. Phải thu dài hạn khác**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế của nhà thầu nước ngoài	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	54.461.689.335	105.441.138.564	3.920.466.530	498.444.543	609.470.036	164.931.209.008
Tăng trong kỳ	383.300.404	1.539.545.780	1.731.818.182	(39.069.543)	-	3.615.594.823
-Do mua sắm mới	527.106.641	3.088.488.182		(39.069.543)		3.615.594.823
-Do phân loại TSCĐ	(143.806.237)	182.875.780				
-Do phân loại TSCĐ		(1.731.818.182)	1.731.818.182			
-Do XDCB hoàn thành						
Giảm trong kỳ	(295.759.784)	(197.431.407)	-	-	-	(493.191.191)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC	(295.759.784)	(197.431.407)				(493.191.191)
- Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối kỳ	54.549.229.955	106.783.252.937	5.652.284.712	459.375.000	609.470.036	168.053.612.640
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	26.663.055.219	64.934.249.133	844.204.618	104.925.000	609.470.036	93.155.904.006
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	46.695.526.523	87.107.341.746	2.246.292.603	237.927.336	609.470.036	136.896.558.244
- Tăng do trích khấu hao trong kỳ	2.653.056.566	4.130.505.824	581.794.554	155.112.497	-	7.456.395.694
- Tăng do điều chỉnh phân loại	2	(2)				
- Tăng do điều chỉnh phân loại	(7.190.315)	(48.418.365)		(8.465.067)		(64.073.747)
Giảm trong kỳ	(295.759.784)	(197.431.407)	-	-	-	(493.191.191)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC	(295.759.784)	(197.431.407)				(493.191.191)
- Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối kỳ	49.045.632.992	90.991.997.796	2.828.087.157	384.574.766	609.470.036	143.859.762.747
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.766.162.812	18.333.796.818	1.674.173.927	260.517.207	-	28.034.650.764
Số cuối kỳ	5.503.596.963	15.791.255.141	2.824.197.555	74.800.234	-	24.193.849.893

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

- Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST 11 đưa vào sử dụng từ 01/01/2018

	Nguyên giá	Giá trị KH kỳ	Giá trị đã KH	Giá trị còn lại
Phần mềm Kế toán	171.000.000	29.189.516	29.189.516	141.810.484

**12. Chi phí XDCB dở dang**

	Số đầu năm	CP phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ/Vào CP	Số cuối kỳ
Chi phí cải tạo máy sấy Yên Bình	-	34.869.991	-	34.869.991
Chi phí SC lớn, HT nước thải Văn Chấn	-	20.954.000	-	20.954.000
Chi phí cải tạo máy sấy Minh Quân	-	13.526.810	-	13.526.810
Chi phí XDCB dở dang HT sấy tại các NM	-	129.200.000	-	129.200.000
<b>Cộng</b>	-	<b>198.550.801</b>	-	<b>198.550.801</b>

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
CP bốc xếp thu mua NL Quế	-	-
<b>Cộng</b>	-	-

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty cổ phần hóa chất Việt Trì	311.640.769	1.022.310.660
Công ty CP thiết bị áp lực Bách khoa	90.168.000	81.796.000
Công ty TNHH An Hoa	568.260.000	556.875.000
Công ty cổ phần Đông Á	471.195.740	427.520.720
Công ty cổ phần Quốc Tế Thanh Bình	194.040.000	245.410.000
Công ty TNHH T.mại và Du lịch Đại Việt Yên Bái	-	0
Công ty TNHH TM Phùng Hưng	117.943.100	105.387.700
Công ty TNHH SXTM Đạt Phương	-	133.868.372
Công ty CP Việt Thịnh	-	398.700.000
Công ty cổ phần Thăng Huy	135.850.000	118.800.000
Công ty TNHH TM Hóa chất Ngọc Diệp	377.995.750	405.548.000
Trần Thị Nghiệp	-	173.738.000
Trần Văn Chi	294.544.000	2.014.381.300
Vũ Thị Mua	440.541.000	-
Trần Văn Thảo	-	674.330.300
Đặng Thiết Hùng	-	2.022.694.800
Triệu Thiệu Lâm	-	880.100.800
Đào Xuân Ước	-	1.399.805.900
Vũ Thị Hằng	291.638.000	377.942.500
Phải trả các đối tượng khác	358.898.834	915.097.092
<b>Cộng</b>	<b>3.652.715.193</b>	<b>11.954.307.144</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty HUEI TAI TRADING CO	163.517.693	278.261.854
HTX tiểu thủ CN DV tổng hợp Đức Thành Phát	484.510.185	142.315.600
Công ty cổ phần Thiên Phúc	506.356.041	
Công ty CP JUNMA Yên Bái	178.886.460	
Công ty TNHH MTV Quan - JIA	-	994.128
Phải trả cho các đối tượng khác	54.569.271	354.101.774
<b>Cộng</b>	<b>1.387.839.650</b>	<b>775.673.356</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp**

	Đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	535.649.790	18.324.410.107	18.427.615.594	432.444.303
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		34.012.500	34.012.500	
Thuế nhập khẩu				
Thuế TNDN	1.271.742.621	5.483.849.778	6.141.169.691	614.422.708
Thuế thu nhập cá nhân	0	724.358.318	724.358.318	
Thuế TNCN thừa Q4.2017			-46.554.244	
Thuế tài nguyên	24.409.260	97.635.240	112.740.840	9.303.660
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		32.382.717	32.382.717	
Các loại thuế khác	0	11.000.000	11.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>1.831.801.671</b>	<b>24.707.648.660</b>	<b>25.436.725.416</b>	<b>1.056.170.671</b>

*Ghi chú* : Thuế TNCN nộp Quý 4/2017 là:  $111.134.974 + 46.554.244 = 157.689.218$  ( do Quyết toán năm 2017 thừa ra: 46.554.244 đồng)

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí tiền điện	231.035.918	605.106.511
Chi phí NL sản	20.127.871	450.289.883
CP hỗ trợ thu mua và QL vùng NL sản	172.716.980	502.389.793
Phí bảo vệ môi trường quý III năm 2018	175.000.000	240.400.000
Trích trước Phí Kiểm toán 06T cuối năm 2018	-	55.000.000
Trích trước tiền CP ngừng sản xuất	129.889.066	-
Trích trước tiền Bảo hộ LĐ theo khoán	261.000.000	-
Chi phí khác	160.000	290.000
<b>Cộng</b>	<b>989.929.835</b>	<b>1.853.476.187</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	101.766.952	16.785.996
Lãi thuế TNCN với tiền lãi vay phải trả	-	6.596.935
Bảo hiểm xã hội	720.807.997	316.114.840
Tiền lãi vay cá nhân phải trả		15.119.965
Tiền thuế TNCN trả cho CNV		56.500.000
Tiền Cổ tức 2018	1.835.544.805	
Phải trả khác	852.904.036	1.061.944.989
Tiền Tiết kiệm vật tư	762.133.992	898.516.885
Tiền Phụ cấp, tiền bốc vác	90.770.044	163.428.104
<b>Cộng</b>	<b>3.511.023.790</b>	<b>1.473.062.725</b>

**19. Vay, nợ thuế TC ngắn hạn**

	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn cá nhân	21.373.709.927	21.373.709.927	-	-
<b>Cộng</b>	<b>21.373.709.927</b>	<b>21.373.709.927</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:**

	Đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	20.780.919.732	31.071.539.681	51.852.459.413	0
Vay ngắn hạn các cá nhân	592.790.195	724.526.870	1.317.317.065	-
	<b>21.373.709.927</b>	<b>31.796.066.551</b>	<b>53.169.776.478</b>	<b>-</b>

**20. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Là chi phí trích trước phục vụ cho việc sửa chữa lớn nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị

**21. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Đầu năm	Tăng do PP từ LN	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	175.921.117	587.243.566	1.122.516.000	188.553.566
Quỹ phúc lợi	609.537.957	587.243.566	708.954.883	487.826.640
	<b>785.459.074</b>	<b>1.174.487.132</b>	<b>1.831.470.883</b>	<b>676.380.206</b>
Trong kỳ Chuyển nguồn từ quỹ phúc lợi sang quỹ khen thưởng là:			547.904.883 đồng	

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****22. Phải trả người bán dài hạn**

Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc

**Cuối năm**

1.850.000

**Đầu năm**

1.850.000

**Cộng**

1.850.000

1.850.000

**23. Phải trả dài hạn khác**

Ông Hà Xuân Quảng

**Cuối năm**

5.000.000

**Đầu năm**

5.000.000

Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường

20.000.000

20.000.000

Doanh nghiệp tư nhân Bốn Sao

-

15.000.000

Phạm Hữu Chung - Tiền đặt cọc mua bã sản tươi

150.000.000

**Cộng**

175.000.000

40.000.000

3200  
CÔNG  
CỔ  
LÂM N  
THU  
YÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng		
						Số dư đầu năm trước	Lợi nhuận trong kỳ
Số dư đầu năm trước	47.600.880.000	323.060.671	410.455.470	20.216.679.626	68.551.075.767		
Lợi nhuận trong kỳ				14.681.089.150	14.681.089.150		
Trích lập các quỹ trong kỳ			951.796.806	(951.796.806)	(951.796.806)		
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi			951.796.805	(951.796.805)	1		
Trích quỹ thường Ban lãnh đạo				(250.000.000)	(250.000.000)		
Chi cô tức năm 2016				(16.184.299.200)	(16.184.299.200)		
Tăng vốn ĐL từ LN CPP					-		
Tăng vốn ĐL từ các quỹ					-		
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>47.600.880.000</b>	<b>323.060.671</b>	<b>1.362.252.276</b>	<b>16.559.875.965</b>	<b>65.846.068.912</b>		
Số dư đầu năm nay	47.600.880.000	323.060.671	1.362.252.276	16.559.875.965	65.846.068.912		
Lợi nhuận trong kỳ				33.548.346.657	33.548.346.657		
Lợi nhuận tăng do truy thu thuế TNDN				7.515.000	7.515.000		
Trích lập các quỹ trong kỳ			293.621.783	(293.621.783)	-		
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(1.174.487.132)	(1.174.487.132)		
Trích quỹ thường Ban lãnh đạo					-		
Chi cô tức năm 2017				(12.852.237.600)	(12.852.237.600)		
Chi cô tức năm 2018 lần 1				(9.520.176.000)	(9.520.176.000)		
Tăng vốn ĐL từ LN CPP					-		
Tăng vốn ĐL từ các quỹ					-		
Bán cổ phiếu quỹ					-		
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>47.600.880.000</b>	<b>323.060.671</b>	<b>1.655.874.059</b>	<b>36.275.215.107</b>	<b>75.855.029.837</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Vốn góp của các cổ đông	47.600.880.000	47.600.880.000
Thặng dư vốn cổ phần	323.060.671	323.060.671
	<b>47.923.940.671</b>	<b>47.923.940.671</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	47.600.880.000	47.600.880.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	-
<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	4.760.088	4.760.088
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.760.088	4.760.088
+ Cổ phiếu phổ thông	4.760.088	4.760.088
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.760.088	4.760.088
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000	10.000
<b>đ) Cổ tức</b>		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:.....	5.049	3.999
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp:</b>		
- Quỹ đầu tư phát triển;	1.655.874.059	1.362.252.276
<b>20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	3.811.626.765	5.173.846.558
Nợ khó đòi đã xử lý	-	1.857.000.000
Ngoại tệ các loại: USD	79.339,820	152.167,310

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng</b>		
<b>cấp dịch vụ</b>	<b>310.638.307.772</b>	<b>206.723.622.330</b>
hàng hóa	310.638.307.772	206.723.622.330
<b>Trong đó: Doanh thu nội địa</b>	<b>245.922.691.065</b>	<b>143.095.182.071</b>
DT xuất khẩu trực tiếp	64.715.616.707	63.628.440.259
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã:	56.824.503.250	51.860.064.300
Tương đương Tiền USD	2.484.170,0	2.285.950,0
- DT Sản phẩm Giấy để XK	7.891.113.457	11.768.375.959
Tương đương Tiền USD	345.258,93	518.921,60
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn:	-	-
Quy ra USD	-	-
Tổng cộng USD:	2.829.428,93	2.804.871,60
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>310.638.307.772</b>	<b>206.723.622.330</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	23	0



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	Năm nay	Năm trước
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;	251.205.843.377 251.205.843.377	174.776.481.900 174.776.481.900
<b>4. Doanh thu hoạt động tài</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	640.820.186	697.310.756
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	195.289.378	51.778.627
	836.109.564	749.089.383
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	7.536.707	119.681.950
- Lãi tiền vay;	896.176.441	55.041.393
	903.713.148	174.723.343
<b>6. Thu nhập khác</b>		
- Thu nhập khác từ xử lý nợ	1.052.470	-
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	6.975.000	-
	8.027.470	-
<b>7. Chi phí khác</b>		
- Các khoản bị phạt; chậm nộp	57.055.587	5.113.571
- Thuế chậm nộp với người bán	28.723.884	
- Chi phí khác	85.779.471	5.113.571
<b>8. Chi phí bán hàng và chi phí</b>		
a) Các khoản chi phí quản lý		
Chi phí nhân viên quản lý	7.050.423.461	4.358.763.567
Chi phí vật liệu quản lý	231.991.284	202.673.798
Chi phí đồ dùng văn phòng	433.283.005	258.848.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	847.475.500	685.073.484
Thuế, phí và lệ phí	1.315.019.899	1.957.640.402
Chi phí dự phòng	199.845.579	(1.828.290.001)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	706.777.408	589.592.844
Chi phí bằng tiền khác	3.511.029.109	2.596.148.031
<b>Cộng</b>	14.295.845.245	8.820.450.125
b) Các khoản chi phí bán hàng		
- Các khoản chi phí bán hàng	5.959.067.130	6.076.702.216
<b>Cộng</b>	5.959.067.130	6.076.702.216

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

**9. Chi phí thuế thu nhập**

Chi phí thuế TNDN tính trên  
TN chịu thuế năm hiện hành

Năm nay

0

5.483.849.778


Năm trước

3.020.472.738

3.020.472.738

Lập, ngày 17 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

  
Hứa Minh Dũng



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)						Loại trừ nội bộ	Cộng
	Giấy để	Giấy vàng mã	Tính bột sắn	Tính đầu que	Giấy lẻ + Ván bóc			
<b>Năm nay</b>								
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	85.020.395.782	56.824.503.250	156.033.710.700	9.883.219.092	2.876.478.948	-	310.638.307.772	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	34.516.563.134	17.436.008.181	11.188.124.998	2.942.060.466		(80.469.198.990)		
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>119.536.958.916</b>	<b>74.260.511.431</b>	<b>167.221.835.698</b>	<b>12.825.279.558</b>	<b>2.876.478.948</b>	<b>(80.469.198.990)</b>	<b>310.638.307.772</b>	
Chi phí bộ phận	-	71.569.983.686	132.753.060.146	9.738.269.052			268.584.276.804	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	13.450.410.096	23.280.650.554	144.950.040			39.177.552.020	
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	836.109.564	
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(903.713.148)	
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	8.027.470	
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	(85.779.471)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	(5.483.849.778)	
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>33.548.346.657</b>	

001  
ÔNG  
O. P  
NOM  
USC  
BN  
BAI

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)					
	Số cuối năm	Giấy để	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	74.229.916.807	8.166.837.131	2.779.938.857	6.794.998.988	4.066.535.337	96.038.227.120
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(22.515.777.605)	3.696.000.796	221.579.349	16.641.631.046	1.956.566.414	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>51.714.139.202</b>	<b>11.862.837.927</b>	<b>3.001.518.206</b>	<b>23.436.630.034</b>	<b>6.023.101.751</b>	<b>96.038.227.120</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	(14.069.677.171)	7.717.413.174	2.514.974.303	18.951.289.185	5.069.197.792	20.183.197.283
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>(14.069.677.171)</b>	<b>7.717.413.174</b>	<b>2.514.974.303</b>	<b>18.951.289.185</b>	<b>5.069.197.792</b>	<b>20.183.197.283</b>
Số đầu năm	46.251.026.513	9.298.415.954	2.169.497.174	58.920.352.065	2.957.677.728	119.596.969.434
Tài sản trực tiếp của bộ phận	(25.435.244.699)	3.690.631.017	270.405.541	19.758.814.122	1.715.394.019	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>20.815.781.814</b>	<b>12.989.046.971</b>	<b>2.439.902.715</b>	<b>78.679.166.187</b>	<b>4.673.071.747</b>	<b>119.596.969.434</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	(19.595.042.399)	9.298.415.954	2.169.497.174	58.920.352.065	2.957.677.728	53.750.900.522
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>(19.595.042.399)</b>	<b>9.298.415.954</b>	<b>2.169.497.174</b>	<b>58.920.352.065</b>	<b>2.957.677.728</b>	<b>53.750.900.522</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	245.922.691.065	143.095.182.071
Khu vực xuất khẩu	64.715.616.707	63.628.440.259
<b>Cộng</b>	<b><u>310.638.307.772</u></b>	<b><u>206.723.622.330</u></b>


Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(3.615.594.823)	(1.281.726.577)
<b>Cộng</b>	<b><u>(3.615.594.823)</u></b>	<b><u>(1.281.726.577)</u></b>

Lập, ngày 17 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

  
Hứa Minh Hồng

